TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mười.

Ông Trần Văn Phước.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

` - ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Thu Ngà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Chị Mai Thị Trang Kim T, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn:

Anh Lê Hoàng M, sinh năm 1981 (Vắng măt).

Địa chỉ: ấp E, xã F, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 19/3/2019 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị Trang Kim T trình bày:

Chị và anh Lê Hoàng M kết hôn vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Anh M thường hay cờ bạc và không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Chị đã cho anh M cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng anh vẫn không thay đổi tính tình. Chị và anh M đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với anh M. Chị không yêu cầu anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Minh L, sinh ngày 02/3/2017. Hiện cháu L đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị phụ bán quán ăn, thu nhập hàng tháng khoảng 6 triệu đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp cho Tòa án gồm có: Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị T và anh M (bản chính), giấy trích lục khai sinh của cháu Lê Minh L (bản sao), Quyết định đình chỉ số 105/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Lê Hoàng M trình bày:

Anh thống nhất với phần trình bày của chị T về thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Anh thừa nhận có chơi cờ bạc nhưng thời gian sau này anh lo làm ăn và không còn chơi cờ bạc nữa. Anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay qua yêu cầu ly hôn của chị T thì anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ và con. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn thì anh không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Minh L, sinh ngày 02/3/2017. Hiện cháu L đang sống với chị T. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu L, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh làm nghề bán cá ở chợ Tân

Thành, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thu nhập hàng tháng của anh khoảng 10 triệu/tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Trang Kim T với anh Lê Hoàng M. Giao con chung là Lê Minh L, sinh ngày 02/3/2017 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Tài sản chung: không có. Nợ chung: không có. Về án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Hoàng M là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh M là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua xác minh bị đơn anh M có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ ấp E, xã F, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chị Mai Thị Trang Kim T và anh Lê Hoàng M tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã F, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/02/2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê

Hoàng M, yêu cầu của chị T được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị T xác định đã không còn tình cảm với anh M nên vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Hoàng M.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh M đã vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh M đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, theo xác minh tại địa phương thì giữa chị T và anh M đã có những mâu thuẫn phát sinh từ lâu. Chị T và anh M đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Qua đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các thành viên trong gia đình. Do vậy, việc yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị Trang Kim T đối với anh Lê Hoàng M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Minh L, sinh ngày 02/3/2017. Hiện cháu L đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T, anh M đều có yêu cầu được nuôi cháu L và không yêu cầu người còn lại phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã ra thông báo để yêu cầu chị T, anh M cung cấp chứng cứ để chứng minh về điều kiện để đảm bảo việc nuôi con. Tuy nhiên hết thời hạn được ấn định trong thông báo phía anh M không cung cấp được giấy tờ chứng cứ chứng minh về điều kiện để đảm bảo việc nuôi con. Phía chị T có cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận thu nhập hàng tháng của chị T với mức thu nhập là 6 triệu đồng/tháng.

Mặc khác qua thực tế xác minh ở địa phương cũng như làm việc với người thân trong gia đình anh M thì từ khi chị T và anh M ly thân năm 2018 cho đến nay thì cháu L sống với chị T và gia đình chị T, có cuộc sống sinh hoạt ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lê Minh L, sinh ngày 02/3/2017 sẽ đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, anh Lê Hoàng M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.2] Về tài sản chung: Chị T, anh M khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về nợ chung: Chị T, anh M khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị Mai Thị Trang Kim T phải nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Trang Kim T được ly hôn với anh Lê Hoàng M.

Quan hệ hôn nhân của chị T và anh M chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc chị T và anh M không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Minh L, sinh ngày 02/3/2017. Sau khi ly hôn chị Mai Thị Trang Kim T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Minh L. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh M khai không có nên Tòa án không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị T, anh M khai không có nên Tòa án không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Mai Thị Trang Kim T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003076 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Mai Thị Trang Kim T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Hoàng M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành;
-UBND xã F, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Chí Đức